

OCEANBANK TRÂN TRỌNG CÔNG BỐ

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2009

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 của Ngân hàng TMCP Đại Dương

Kính gửi: Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Đại Dương

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính của ("Ngân hàng") gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày , báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, và bảng tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu cùng các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của ban lãnh đạo Ngân hàng cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến của kiểm toán viên

Như đã nêu tại thuyết minh số 9 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính, Ngân hàng chưa trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết vì Ngân hàng chưa tìm được giá tham chiếu của chúng trên thị trường.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu về tình hình tài chính của tại ngày , cũng như kết quả kinh doanh và các dòng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các quy định hiện hành áp dụng cho các ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam và các chính sách kế toán được nêu ở Thuyết minh số 2 kèm theo.

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Dũng
Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Hà Nội ngày 25 tháng 01 năm 2010

Kiểm toán viên



Phan Anh Tuấn
Chứng chỉ KTV số: 0777/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
B Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu				
I	Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước	14	412.058.256.206	-
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	15	7.238.305.733.551	6.018.383.556.136
	1. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		7.025.337.733.551	6.018.383.556.136
	2. Vay các tổ chức tín dụng khác		212.968.000.000	-
III	Tiền gửi của khách hàng	16	23.376.979.716.007	6.411.983.513.757
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		9.948.504.267	251.000.000
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	17	100.000.000.000	4.756.260.000
VI	Phát hành giấy tờ có giá	18	53.126.054.835	938.950.000
VII	Các khoản nợ khác		342.161.093.444	576.860.185.179
	1. Các kho ăn lãi, phí phải trả		231.488.158.192	116.009.170.941
	3. Các kho ăn phải trả và công nợ khác	19	110.672.935.252	460.851.014.238
	Tổng nợ phải trả		31.532.579.358.310	13.013.173.465.072
VIII	Vốn và các quỹ	20	2.252.378.868.234	1.078.162.193.999
	1. Vốn của tổ chức tín dụng		2.001.212.796.400	1.015.138.596.400
	- Vốn điều lệ		2.000.000.000.000	1.000.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		15.099.450.000	15.099.450.000
	- Cô phiếu quỹ		(13.925.800.000)	-
	- Vốn khác		39.146.400	39.146.400
	2. Quỹ của tổ chức tín dụng		56.218.353.049	23.705.491.107
	5. Lợi nhuận chưa phân phối/ Lỗ lũy kế		194.947.718.785	39.318.106.492
	Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu		33.784.958.226.544	14.091.335.659.071

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Chi tiêu	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
I.	Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn			
1.	Bảo lãnh vay vốn		25.000.000.000	-
2.	Cam kết trong nghiệp vụ L/C		1.063.006.931.589	35.126.123.250
3.	Bảo lãnh khác		266.366.703.754	379.953.291.393

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Ghi chú	31/12/2009	31/12/2008
A Tài sản				
I	Tiền mặt, vàng bạc đá quý	3	105.162.990.228	110.769.757.700
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4	163.027.803.734	245.393.874.585
III	Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác và cho vay các TCTD khác	5	12.297.632.491.674	2.773.652.055.117
	1. Tiền, vàng gửi tại các TCTD khác		8.902.194.291.674	2.773.652.055.117
	2. Cho vay các tổ chức tín dụng khác		3.395.438.200.000	-
IV	Chứng khoán kinh doanh	6	106.797.250.811	97.881.249.443
	1. Chứng khoán kinh doanh		117.521.359.747	100.938.186.521
	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(10.724.108.936)	(3.056.937.078)
VI	Cho vay khách hàng		10.138.649.924.204	5.927.271.086.455
	1. Cho vay khách hàng	7	10.188.901.041.473	5.938.759.104.847
	2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(50.251.117.269)	(11.488.018.392)
VII	Chứng khoán đầu tư	9	6.022.614.450.720	3.814.860.028.522
	1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		6.012.104.450.720	3.804.350.028.522
	2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		10.510.000.000	10.510.000.000
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn	10	400.917.460.000	63.846.000.000
	4. Đầu tư dài hạn khác		400.917.460.000	63.846.000.000
IX	Tài sản cố định		194.019.681.152	45.900.021.493
	1. Tài sản cố định hữu hình	11	47.578.560.585	40.028.584.973
	- Nguyên giá		64.381.208.383	47.773.868.371
	- Giá trị hao mòn lũy kế		(16.802.647.798)	(7.745.283.398)
	3. Tài sản cố định vô hình	12	146.441.120.567	5.871.436.520
	- Nguyên giá		150.415.653.453	6.943.013.520
	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.974.532.886)	(1.071.577.000)
XI	Tài sản Có khác		4.356.136.174.021	1.011.761.585.756
	1. Các khoản phải thu	13	2.001.032.390.543	528.035.894.427
	2. Các khoản lãi, phí phải thu		648.586.959.713	396.959.423.251
	4. Tài sản Có khác	13	1.706.516.823.765	86.766.268.078
	Tổng tài sản Có		33.784.958.226.544	14.091.335.659.071

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

Đơn vị tính: VND

STT	Chi tiêu	Ghi chú	Năm 2009	Năm 2008
1.	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	21	1.744.226.545.700	1.335.733.297.407
2.	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	22	1.300.430.884.433	1.270.898.218.353
I.	Thu nhập lãi thuần		443.795.661.267	64.835.079.054
3.	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		44.271.016.501	5.838.616.335
4.	Chi phí hoạt động dịch vụ		9.970.486.208	4.847.676.477
II.	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động dịch vụ	23	34.300.530.293	990.939.858
III.	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	24	12.306.195.330	2.138.018.666
IV.	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	25	(3.075.628.255)	(2.833.204.116)
V.	Lãi/ lỗ thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	26	2.458.897.278	87.960.748.979
5.	Thu nhập từ hoạt động khác		43.039.022.920	3.139.728.023
6.	Chi phí hoạt động khác		140.040.764	68.304.259
VI.	Lãi/ lỗ thuần từ hoạt động khác	27	42.898.982.156	3.071.423.764
VII.	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		5.367.181.385	2.139.716.864
VIII.	Chi phí hoạt động	28	197.417.838.686	91.853.130.196
IX.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		340.633.980.768	66.449.592.873
X.	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		39.326.018.877	4.365.283.316
XI.	Tổng lợi nhuận trước thuế		301.307.961.891	62.084.309.557
7.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	73.985.195.127	16.784.485.954
XII.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		73.985.195.127	16.784.485.954
XIII.	Lợi nhuận sau thuế		227.322.766.764	45.299.823.603
XIV.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		1.358	453

Hải Dương, ngày 22 tháng 01 năm 2010

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Nga





Nguyễn Xuân Sơn